TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS - ST.
Ngày: 01 - 8 - 2022.
V/v "tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Rực.

2. Bà Trần Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Thành C, sinh năm 1941; địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960 và bà Lê Thị T, sinh năm 1964; cùng địa chỉ: đường T, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- Ông Lê Văn T, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt)

- Bà Lê Thị Ngọc Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- Ông Lê Chí T, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- Bà Lê Thị Hồng V, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt)

- Ông Lê Hoài T, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp Phước Lợi A, xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- Ông Lê Minh Quang, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- Ông Lê Vĩnh P, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 30/8/2020; đơn yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 23/11/2021; đơn xin giải quyết vắng mặt cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Thành C trình bày:*

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp có diện tích 829,2m² thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do bà T, ông Hđứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đo đạc của Tòa án) là của ông có trước năm 1975. Ngày 08/9/2000 ông được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R332073 thuộc thửa 768, tờ bản đồ 04, diện tích 3.336m² tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do hộ ông Lê Thành Cđứng tên.

Quá trình sử dụng: Ông canh tác phần đất trên liên tục, đến năm 2005 thì bà T, ông Hcanh tác. Lý do là tự ông H, bà Tvô chiếm nhưng thời điểm đó hai bên chưa xảy ra tranh chấp, ông nghĩ phần đất trên còn đứng tên ông trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2020 ông phát hiện bà T, ông Hđã được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do bà T, ông Hđứng tên ngày 30/8/2013 vì cho rằng ông có làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông H, bà T nên ông làm đơn yêu cầu tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng để giải quyết vì ông không có tặng cho phần đất trên, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không phải chữ ký của ông.

Theo như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Long Phú về số đo, diện tích, hiện trạng trên đất, cây trồng trên đất, ông hoàn toàn thống nhất. Mặt khác, ông thống nhất giá 11 cây mai vàng trị giá là 1.100.000 đồng; 31 cây dừa loại A trị giá là 24.800.000 đồng; 27 cây cau loại A trị giá là 10.800.000 đồng; Thống nhất chi phí giám định, chi phí thẩm định đo đạc thực tế mà Tòa án đã thực hiện.

Theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R332073 thuộc thửa 768, tờ bản đồ 04, diện tích 3.336m² tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp do hộ ông Lê Thành C đứng tên vào ngày 08/9/2000. Mặc dù, phần đất trên là cấp cho hộ nhưng nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cá nhân ông có trước năm 1975, ông xác định phần đất đang tranh chấp

các thành viên trong hộ không có công sức đóng góp, tạo lập tài sản này nên ông được quyền quyết định phần đất trên.

Theo đơn khởi kiện ông Lê Thành C yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà T, ông Hphải trả cho ông 03 công đất mượn của ông Chắc; Buộc ông H, bà T phải trả cho ông toàn bộ diện tích đất thuộc thửa 769 và thửa 768 (nay là thửa 1.100) cho ông.

Ngày 23/11/2021 ông Lê Thành C có làm đơn xin thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện và Tòa án ra Thông báo thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ông yêu cầu như sau: Buộc bà T, ông Hphải trả cho ông 829,2m² thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do bà T, ông Hđứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đo đạc của Tòa án); Hủy một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN677732 ngày 30/8/2013 đã được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận do bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H đứng tên. Đối với yêu cầu buộc bà T, ông Hphải trả cho ông 03 công đất mượn của ông Chắc; yêu cầu ông H, bà Tphải trả cho ông toàn bộ diện tích đất thuộc thửa 769 và một phần thửa 768 (nay thuộc thửa 1.100) cụ thể diện tích 1449,6m² ông không yêu cầu.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt ông Lê Thành Cngày 01/8/2022 ông yêu cầu buộc bà T, ông Hphải trả cho ông 829,2m² thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do bà T, ông Hđứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đo đạc của Tòa án) và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN677732 ngày 30/8/2013 đã được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận do bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H đứng tên để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận lại cho ông vì việc Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp là trái pháp luật.

- Tại bản tự khai ngày 19/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn H trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp có diện tích 829,2m² thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do bà T, ông Hđứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đo đạc của Tòa án) là của ông Chắc có trước năm 1975. Năm 2000 ông Chắc được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 768, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do hộ ông Lê Thành Cđứng tên.

Quá trình sử dụng: Ông Chắc canh tác phần đất này đến năm 2005 thì bà T, ông Hcanh tác. Lý do là ông Chắc đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lại cho ông, bà Tuyết vào ngày 01/8/2013, có hợp đồng theo quy định và ông H, bà Tcanh tác phần đất này từ năm 2005 cho đến năm 2020 mới xảy ra tranh chấp.

Theo như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Long Phú về số đo, diện tích, hiện trạng trên đất, cây trồng trên đất, ông, bà hoàn toàn thống nhất. Mặt khác, ông, bà thống nhất giá 11 cây mai vàng trị giá là 1.100.000 đồng; 31 cây dừa loại A trị giá là 24.800.000 đồng; 27 cây cau loại A trị giá là 10.800.000 đồng; Thống nhất chi phí giám định, chi phí thẩm định đo đạc thực tế mà Tòa án đã thực hiện.

Nay ông Chắc yêu cầu buộc bà T, ông Hphải trả cho ông 829,2m² thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do bà

T, ông Hđứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đo đạc của Tòa án); Hủy một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN677732 ngày 30/8/2013 đã được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận do bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H đứng tên ông, bà không đồng ý vì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là đúng theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, theo đo đạc của Tòa án xác định trên phần đất đang tranh chấp có một lối đi của gia đình ông Chắc có chiều ngang 01m, dài 66 m. Ông bà thống nhất cho ông Chắc tiếp tục sử dụng lối đi này và đồng ý trả giá trị 11 cây mai vàng mà ông Chắc trồng là 1.100.000 đồng cho ông Chắc.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Ngọc Đ, ông Lê Chí T, bà Lê Thị Hồng V trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp có diện tích 829,2m² thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do bà T, ông Hđứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đo đạc của Tòa án) là của ông Lê Thành C có trước năm 1975. Ông, bà là thành viên trong hộ tại thời điểm cấp giấy chứng nhận vào năm 2000 nhưng không có công sức đóng góp để tạo lập tài sản này. Nay ông, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T, ông Lê Hoài T, ông Lê Văn Đông Lê Minh Quang, ông Lê Văn Phúc trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp có diện tích 829,2m² thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do bà T, ông Hđứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đo đạc của Tòa án) là của ông Lê Thành C có trước năm 1975. Ông, bà không có công sức đóng góp để tạo lập tài sản này và ông Chắc đã làm thủ tục tặng cho lại cho ông Hùng, bà Tuyết. Nay ông, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các đương sự tham gia phiên Tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 9 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 2 điều 92; điểm g khoản 1 điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 280, Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015:

Đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thành C về việc: Buộc bà T, ông Hphải trả cho ông 829,2m² thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do bà T, ông Hđứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đo đạc của Tòa án) và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN677732 ngày 30/8/2013 đã được Uỷ ban nhân dân

huyện Lcấp giấy chứng nhận do bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H đứng tên; Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T về việc trả cho ông Lê Thành C giá trị 11 cây mai vàng là 1.100.000 đồng; Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T được quyền sở hữu 11 cây mai vàng; Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T về việc giao cho nguyên đơn ông Lê Thành C được tiếp tục sử dụng phần đất là lối đi (lộ đal) có diện tích 66m² (ngang 01m x dài 66m) là loại đất trồng cây lâu năm thuộc một phần đất trong diện tích 829,2m², một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng đã được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN677732 ngày 30/8/2013 do bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H đứng tên.

Nguyên đơn phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản, giám định và nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S, bà Lê Thị Ngọc Đ, ông Lê Chí T, bà Lê Thị T, ông Lê Hoài T, ông Lê Văn Đông Lê Minh Quang, ông Lê Văn Phúc vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 23/11/2021 ông Lê Thành C có đơn yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN677732 ngày 30/8/2013 đã được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận do bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H đứng tên. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN677732 ngày 30/8/2013 đã được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận do bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H đứng tên căn cứ vào Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 01/8/2013 thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 105 Luật đất đai là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất của Quyết định hành chính cá biệt; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền sẽ thực hiện việc đăng ký biến động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở kết quả giao dịch có hiệu lực. Do đó, theo Công văn số 64/GĐ- TANDTC ngày 30/4/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao; Tòa án không đưa Uỷ ban nhân dân huyện Lvào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và Tòa án không cần phải tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà căn cứ vào kết quả giải quyết của Tòa án để cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Phú không chuyển vụ án và tiến hành giải quyết theo thẩm quyền là có căn cứ.

[3] Về diện tích đất tranh chấp: Theo như biên bản xem xét thẩm định tài sản ngày 29/12/2020 và ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú xác định

diện tích phần đất đang tranh chấp đất có diện tích 829,2m² (Loại đất trồng cây lâu năm) thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng đã được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN677732 ngày 30/8/2013 do bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H đứng tên có số đo và tứ cận như sau: Hướng đông giáp đường đal có số đo 14,5m; hướng tây giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Tcó số đo 10,1m; hướng nam giáp phần đất của Nguyễn Văn H đang quản lý, sử dụng có số đo 68,3m; hướng bắc giáp phần đất của bà Trần Thị Nhị Hcó số đo 11,4m + 54,2m. Các đương sự thống nhất với số đo, diện tích đất, loai đất theo biên bản thẩm định của Tòa án nên tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử các định diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là 829,2m² (Loại đất trồng cây lâu năm) thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng đã được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN677732 ngày 30/8/2013 do bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H đứng tên.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn phần đất có diện tích 829,2m² thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do bà T, ông Hđứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN677732 ngày 30/8/2013 Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn cho rằng nguồn gốc phần đất đang tranh chấp có diện tích 829,2m² thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng là của cá nhân ông Lê Thành C có trước năm 1975. Ngày 08/9/2000 nguyên đơn được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R332073 do hộ ông Lê Thành C đứng tên thuộc một phần thửa số 768, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; đến ngày 30/8/2013 phần đất trên đã được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN677732 thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H đứng tên và bị đơn sử dụng phần đất trên từ năm 2005 đến năm 2020 xảy ra tranh chấp. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phản đối tình tiết trên nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án công nhận tình tiết trên là sự thật.

[5] Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn cho rằng bị đơn tự ý chiếm của nguyên đơn phần đất trên và giả mạo chữ ký của nguyên đơn tại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 01/8/2013, ông không có tặng cho bị đơn phần đất trên. Bị đơn cho rằng phần đất trên bị đơn được nguyên đơn tặng cho vào ngày 01/8/2013, khi tặng cho có làm hợp đồng tặng cho vào ngày 01/8/2013, có chứng thực của chính quyền địa phương, chữ ký tại hợp đồng tặng cho của nguyên đơn. Xét thấy: Ngày 23/3/2021 nguyên đơn có làm đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thành C tại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 01/8/2013; ngày 16/6/2021 Tòa án nhân dân huyện Long Phú có ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 06/2021/QĐ – TCGĐ nội dung "Tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của ông Lê Thành C tại: *"Kết quả đo đạc địa chính thửa đất ngày 18/7/2013; Hợp*

đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 01/8/2013" và tại Kết luận giám định số 223/PC09-GĐ ngày 12/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận: *"Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thành C dưới mục " ..... "Chủ sử dụng đất" trên Kết quả đo đạc (Trích đo) địa chính thửa đất ngày 18/7/2013; tại vị trí 1 bên trái Trang 1, Trang 4 và dưới mục "BÊN A" trang 3 trên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 01/8/2013 ....so với chữ ký, chữ viết của Lê Thành C trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1 đến M5) do cùng một người ký và viết ra"*. Mặt khác, theo biên bản xác minh ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã S xác định *"....Ngày 01/8/2013 ông Lê Thành C làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với phần đất trên cho ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị T. Khi làm có hợp đồng tặng cho và có chứng thực của chính quyền địa phương. Đến ngày 30/8/2013 ông Hùng và bà Tuyết được ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN677732 thuộc thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng T, ông Hđứng tên. Việc chứng thực hợp đồng tặng cho ngày 01/8/2013 giữa ông Chắc và bà T, ông Hlà hợp pháp. Khi tặng cho do ông Chắc ký tên, thể hiện ý chí của ông Lê Thành C đồng ý tặng cho ông Hùng, bà Tuyết"*. Bên cạnh đó, tại Công văn số 03/PTNMT ngày 04/3/2022 của Uỷ ban nhân dân huyện Lxác định *"Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN677732 ngày 30/8/2013 cho ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T đối với thửa đất số 1100 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường, quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất"*. Tuy phần đất đang tranh chấp trước khi tặng cho bị đơn được cấp cho hộ ông Lê Thành C nhưng theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận phần đất trên là của cá nhân ông Lê Thành C, thành viên trong hộ không có công sức đóng góp, tạo lập tài sản này cũng không có ý kiến hay yêu cầu về phần đất trên nên ông Chắc là chủ sử dụng phần đất trên và có quyền quyết định việc tặng cho này. Đồng thời, bị đơn đã sử dụng phần đất, trồng cây từ năm 2005 cho đến nay; bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2013 nhưng nguyên đơn không phản đối hay khiếu nại gì. Từ nhận định nên trên, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn có tặng cho bị đơn phần đất có diện tích 829,2m² thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do bà T, ông Hđứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN677732 ngày 30/8/2013 là có căn cứ.

[6] Xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất xác lập ngày 01/8/2013 giữa nguyên đơn và bị đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp được cho Tòa án bản chính hoặc bản công chứng, chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất xác lập ngày 01/8/2013 vì cho rằng bản chính hiện nay Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Sóc Trăng đang quản lý tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cung cấp cho Tòa án hồ sơ trích lục tại Văn phòng đăng ký đất đai Sóc Trăng thuộc thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng trong đó có Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 01/8/2013 nên Hội đồng xét xử sẽ

tiến hành đánh giá tính hợp pháp của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 01/8/2013 được trích lục tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Sóc Trăng. Xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 01/8/2013 Hội đồng xét xử xét thấy:

Chủ thể giao kết hợp đồng: Tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên đều có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập và hoàn toàn tự nguyện.

Về hình thức hợp đồng: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất xác lập giữa ngày 01/8/2013 giữa nguyên đơn và bị đơn được lập thành văn bản có chứng thực của Uỷ ban nhân dân xã S ngày 01/8/2013 là phù hợp với Điều 129 Luật đất đai năm 2003.

Về nội dung hợp đồng: Như đã phân tích nêu trên, nguồn gốc phần đất đang tranh chấp có diện tích 829,2m² thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do bà T, ông Hđứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN677732 ngày 30/8/2013 là của cá nhân ông Lê Thành C có trước năm 1975, tại thời điểm tặng cho phần đất không có tranh chấp. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thể hiện tên, địa chỉ của các bên; lý do tặng cho quyền sử dụng đất; quyền, nghĩa vụ của các bên; loại đất, hạng đất, diện tích, vị trí, số hiệu, ranh giới và tình trạng đất; trách nhiệm của các bên khi vi phạm hợp đồng cụ thể: Tại Điều 1 của Hợp đồng có ghi " Quyền sử dụng đất tặng cho của Bên A đối với thửa đất theo: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R332073, Do UBND huyện Long Phú cấp ngày 08/9/2000 cụ thể như sau: Thửa đất số: một phần thửa số 768 (số thửa mới 1100); Tờ bản đồ số 04; Địa chỉ thửa đất: ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; Diện tích: 2275 m² (Bằng chữ: hai hai bảy năm Mét vuông)...." và tại Điều 2 của Hợp đồng ghi " Việc giao và đăng ký quyền sử dụng đất: Bên A có nghĩa vụ giao thửa đất nêu tại điều 1 của Hợp đồng này cùng giấy tờ về quyền sử dụng đất cho bên B vào thời điểm khi UBND xã chứng thực; Bên B có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật" và tại mục bên A của Hợp đồng có chữ ký và chữ viết của ông Lê Thành C là phù hợp với Điều 723, Điều 724, Điều 725, Điều 726 Bộ luật dân sự năm 2005.

[7] Từ phân tích nêu trên, đủ cơ sở xác định nguyên đơn đã tặng cho bị đơn phần đất có diện tích 829,2m² thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do bà T, ông Hđứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN677732 ngày 30/8/2013; nguyên đơn đã chuyển giao phần đất trên cho bị đơn và bị đơn đã được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN677732 ngày 30/8/2013 do bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H đứng tên là có căn cứ và hợp đồng tặng cho đã có hiệu lực pháp luật theo khoản 1 Điều 106; điểm b khoản 1 Điều 129 Luật Đất đai năm 2003; Điều 146 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003 nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn phần đất có diện tích 829,2m² thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do bà T, ông Hđứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN677732 ngày 30/8/2013, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu hủy một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN677732 ngày

30/8/2013 đã được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận do bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H đứng tên. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thẩm quyền ban hành: Theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BN677732 ngày 30/8/2013 đã được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận do bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H đứng tên thẩm quyền ban hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là Uỷ ban nhân dân huyện Lphù hợp với khoản 2 Điều 52 Luật đất đai năm 2003.

Về trình tự, thủ tục ban hành: Việc tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN677732 ngày 30/8/2013 cho ông H, bà Tđứng tên. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2013 căn cứ vào đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 08/8/2013; trích lục hồ sơ địa chính thửa đất; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 01/8/2013; Tờ cho đất và được ghi trong sổ địa chính đứng tên Hùng, bà Tuyết, trên bản đồ, sổ địa chính phản ánh đúng vị trí, hình thể thửa đất, diện tích, loại hạng đất là đúng theo trình tự, thủ tục cấp giấy theo Điều 50 Luật đất đai 2003.

Về nội dung: Như đã phân tích nêu trên có đủ cơ sở xác định nguyên đơn đã tặng cho bị đơn phần đất trên, nguyên đơn đã chuyển giao phần đất trên cho bị đơn và bị đơn đã được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN677732 ngày 30/8/2013 do bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H đứng tên là có căn cứ và hợp đồng tặng cho đã có hiệu lực pháp luật theo khoản 1 Điều 106; điểm b khoản 1 Điều 129 Luật Đất đai năm 2003; Điều 146 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003.

Từ nhận định nêu trên việc nguyên đơn yêu cầu hủy một phần hủy một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN677732 ngày 30/8/2013 đã được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận do bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H đứng tên là không có căn cứ chấp nhận.

[9] Theo như biên bản thẩm định tại chỗ xác định trên phần đất đang tranh chấp có 31 cây dừa loại A; 27 cây cau loại A (Theo như biên bản thẩm định ngày 29/12/2020 nguyên đơn cho rằng bị đơn trồng nhưng theo biên bản thẩm định ngày 19/5/2022 nguyên đơn cho rằng nguyên đơn trồng nhưng theo biên bản xác minh của Tòa án đối với ông Nguyễn Văn Tân, ông Nguyễn Văn Thành xác định do ông H, bà Ttrồng và phù hợp với lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án nên đủ cơ sở xác định do bị đơn trồng) và 11 cây mai vàng do nguyên đơn trồng (nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận). Như đã phân tích nêu trên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn phần đất có diện tích 829,2m² thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do bà T, ông Hđứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN677732 ngày 30/8/2013 là không có căn cứ chấp nhận nên đối với số cây trồng là 11 cây mai vàng do nguyên đơn trồng, bị đơn thống nhất tiếp tục sở hữu và trả giá trị cho nguyên đơn. Theo thỏa thuận giá giữa nguyên đơn và bị đơn tại biên bản thẩm định ngày 19/5/2022 và tại phiên tòa các đương sự thống nhất xác định giá 11 cây mai vàng là 1.100.000 đồng. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 1.100.000 đồng và bị đơn được sở hữu 11 cây mai vàng theo Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ

[10] Bên cạnh đó, theo như biên bản thẩm định tại chỗ xác định trên phần đất đang tranh chấp có một lối đi (lộ đal) có chiều ngang 01m, dài 66m là lối đi của gia đình nguyên đơn. Qua quá trình xem xét thẩm định tại chỗ, gia đình nguyên đơn ngoài lối đi này ra, không còn lối đi khác. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn đồng ý giao cho nguyên đơn tiếp tục sử dụng lối đi này. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn đồng ý cho nguyên đơn được tiếp tục quản lý và sử dụng phần đất là lối đi có chiều ngang 01m, dài 66m thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do bà T, ông Hđứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN677732 ngày 30/8/2013 theo Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[11] Về chi phí thẩm định tài sản: Nguyên đơn phải chịu chi phí thẩm định tài sản theo quy định tại Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự.

[12] Về chi phí giám định: Nguyên đơn phải chịu chi phí giám định theo Điều 161, Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự.

[13] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được miễn án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ Điều 12; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

[14] Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 34; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 158; Điều 161; Điều 162, Điều 165; Điều 166; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 280; Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành C về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T phải trả cho ông phần đất có diện tích 829,2m² (Loại đất trồng cây lâu năm) thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng đã được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

BN677732 ngày 30/8/2013 do bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H đứng tên có số đo và tứ cận như sau:

- Hướng đông giáp đường đal có số đo 14,5m.

- Hướng tây giáp phần đất của ông Nguyễn Văn T có số đo 10,1m.

- Hướng nam giáp phần đất của Nguyễn Văn H đang quản lý, sử dụng có số đo 68,3m.

- Hướng bắc giáp phần đất của bà Trần Thị Nhị Hcó số đo 11,4m + 54,2m.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành C về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Uỷ ban nhân dân huyện L số BN677732 ngày 30/8/2013 do bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H đứng tên.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T về việc trả cho ông Lê Thành C giá trị 11 cây mai vàng là 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lê Thành C cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T không trả số tiền nêu trên cho ông Lê Thành C thì hàng tháng ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T còn phải trả cho ông Lê Thành C số tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T được quyền sở hữu 11 cây mai vàng trên phần đất có diện tích 829,2m² thuộc một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng đã được Uỷ ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN677732 ngày 30/8/2013 do bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H đứng tên.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T về việc giao cho nguyên đơn ông Lê Thành C được tiếp tục sử dụng phần đất là lối đi (lộ đal) có diện tích 66m² (ngang 01m x dài 66m) là loại đất trồng cây lâu năm thuộc một phần đất trong diện tích 829,2m², một phần thửa 1100, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng đã được Uỷ ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN677732 ngày 30/8/2013 do bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H đứng tên có số đo và tứ cận như sau:

- Hướng đông giáp đường đal có số đo 01 m.

- Hướng tây giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Tcó số đo 01 m

- Hướng nam giáp phần đất của Nguyễn Văn H đang quản lý, sử dụng (01 phần thửa 1100) có số đo 66m.

- Hướng bắc giáp phần đất của Nguyễn Văn H đang quản lý, sử dụng (01 phần thửa 1100) có số đo 66m.

6. Về chi phí thẩm định tài sản: Ông Lê Thành C phải chịu 7.724.230 đồng (Bảy triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm ba mươi đồng) tiền chi phí thẩm định tài sản. Ông Lê Thành C đã nộp xong tiền chi phí thẩm định.

7. Về chi phí giám định: Ông Lê Thành C phải chịu 5.062.000 đồng (Năm triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng) chi phí giám định. Ông Lê Thành C đã nộp xong tiền chi phí giám định.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

8.1. Ông Lê Thành C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng ông Lê Thành C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Như vậy, ông Lê Thành C được miễn 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm

8.2. Ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

9. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

10. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thanh Hoa